TAND TP. PHAN THIẾT
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 89/2023/DSST
Ngày: 29/9/2023.
Về việc:"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHAN THIẾT, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị Thu Hà.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Nguyễn Văn Đô.
2. Bà: Lê Thị Kiều Thu.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Ngô Thái Hà - Cán bộ Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết: Bà Huỳnh Nhã Uyên – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 176/2023/TLST- DS ngày 01/6/2023 "*V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 482/2022/QĐXXST – DS ngày 28/8/2023, quyết định hoãn phiên tòa số 538/2023/QĐST – DS ngày 13/9/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị A, sinh năm 1987.
Địa chỉ: khu phố 01, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1966.
Địa chỉ: khu phố 01, phường B, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Mai Hoàng D, sinh năm 1969.
Bà Phạm Thị Thanh E, sinh năm 1968.
Địa chỉ: khu phố 7, phường F, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.
Tại phiên toà có mặt đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn, vắng mặt ông D, bà E.

NỘI DUNG VỤ ÁN

***Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2023, bản tự khai ngày 07/6/2023 bà Lê Thị A trình bày:**

Vào khoảng 13 đến 14 giờ ngày 10/12/2020, bà đang ở nhà số 63 B đường Tôn Đức Thắng, thuộc khu phố 1, phường B, thành phố Phan Thiết thì thấy ông Trần Công quen biết cùng xóm dẫn 2 vợ chồng ông Mai Hoàng D (sinh 1969) và vợ là Phạm Thị Thanh E (1968) vào nhà bà.

Lúc này có cả Chồng bà (C) chúng tôi cùng ngồi trò chuyện 30 phút, anh Công nói 2 vợ chồng E và D cần vay tiền, thì D nói đi vay tiền vợ chồng anh C ngại quá nên nhờ anh Công dẫn qua, D nói đang mua xong đất cần 250.000.000đ để đóng tiền thuế đất xong là bán trong vòng 2 tháng sẽ trả lại, chồng bà nói D và E quen lâu rồi có nhà nghỉ Bảo Khang cho họ vay cũng được chứ tiền ta đi gửi ngân hàng chỉ có 0,7%/Tháng, nhưng D trả lãi 1,5% gấp đôi và D hứa bán đất lời nhiều sẽ trả lãi thêm 5%/tháng. Thấy vậy nên bà đồng ý đưa cho D và E vay 250.000.000đ (Hai trăm năm mươi triệu đồng) trước sự chứng kiến của chồng bà và anh Công người hàng xóm.

Khi nhận tiền xong D lấy giấy viết ra tự D trực tiếp cầm viết ghi Giấy mượn tiền đề ngày 10/12/2020 và 2 vợ chồng D, E ký tên nhầm vào người cho vay, thấy vậy E và D tiếp tục ký vào vị trí người vay tiền, chồng bà ký là người chứng kiến, bà ký là người cho vay tiền.

Thấy 2 vợ chồng D, E ký sai vào vị trí người cho vay nên chồng bà xóa chữ "cho" đồng thời nói 2 vợ chồng D và E về để chồng bà đánh máy thêm 1 tờ nữa và nhờ anh Công đem đi đến nhà D ký lại cho đẹp, sau 30 phút cùng ngày chồng bà đánh máy lại ghi Hợp đồng vay mượn tiền và đưa cho anh Công đưa đến nhà D và đưa cho 2 vợ chồng D, E ký, xong anh Công lại đem Hợp đồng vay mượn tiền về nhà bà đưa cho bà.

Tờ giấy này chồng bà đánh ghi Hợp đồng vay mượn tiền cũng như nội dung tờ giấy D viết Giấy mượn tiền nhưng ghi thời hạn là vay 12 tháng, chồng bà (C) và bà (Thu) ký bên người cho vay còn anh Trần Công ký người chứng kiến.

Sau khi vay ngày 10/12/2020, ông D trả lãi cho bà nhưng D đưa qua cho chồng bà tiền lãi được 2 tháng mỗi tháng trả lãi 3.750.000đ, từ tháng thứ 3 (từ tháng 3/2021) cho đến nay thì không trả bất cứ đồng nào nữa.

Bà và chồng bà đi đòi nhiều lần nhưng ông D và bà E cứ hứa hẹn, ngày 04/5/2023 biết ông D và bà E ra Tòa ly hôn đang tự chia tài sản với nhau, bà và chồng bà đến nhà gặp bà E đòi nợ thì bà E nói cứ đi đòi ông D, còn ông D thì cứ lẫn trốn, bà điện thoại rất nhiều lần nhưng không bắt máy thấy vậy bà làm đơn khởi kiện đến Tòa án để nhờ giải quyết. Buộc Ông Mai Hoàng D và vợ là bà Phạm Thị Thanh E phải trả cho bà số tiền vay gốc 250.000.000đ và lãi phát sinh 1,5%/tháng là 101.250.000đ (27 tháng x 3.750.000đ tính lãi chưa trả từ ngày 10/02/2021 đến ngày 10/5/2023).

Như vậy tổng số tiền ông D và bà E phải trả cho bà là 351.250.000đ (Ba trăm năm mốt triệu hai trăm năm mươi đồng)

Tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn ông Nguyễn Ngọc C trình bày: yêu cầu ông D, bà E trả số tiền gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày xét xử.

Ông C xác định số tiền bà A cho ông D vay là tiền riêng bà A không phải là tiền chung vợ chồng.

***/Bị đơn ông Mai Hoàng D và bà Phạm Thị Thanh E:** từ chối nhận các văn bản tố tụng của Toà án. Do đó, Toà án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng

theo quy định pháp luật.

Tại phiên toà vắng mặt ông Mai Hoàng D và bà Phạm Thị Thanh E.

Tại kết luận giám định số 826/KL-KTHS ngày 04/8/2023 của Phòng kỹ thuận hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận như sau: "…Chữ ký, chữ viết mang tên Mai Hoàng D, Phạm Thị Thanh E trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết đứng tên Mai Hoàng D, Phạm Thị Thanh E trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết".

Sau khi những người tham gia tố tụng trình bày ý kiến, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phan Thiết phát biểu ý kiến về việc tuân thủ theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, của nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng trình tự, thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định.

Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử, xử theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Mai Hoàng D, bà Phạm Thị Thanh E cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Lê Thị A số tiền gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất là 1,5%, do ông D, bà E đã thuận tình ly hôn theo quyết định số 78/2023/QĐST – HNGĐ ngày 04/5/2023 của Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết nên được chia phần chịu trách nhiệm trả nợ cho bà A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và do bị đơn vắng mặt nên nguyên đơn không tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thủ tục tố tụng: phía bị đơn ông Mai Hoàng D, bà Phạm Thị Thanh E có nơi cư trú tại phường Phú Thuỷ, thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận. Bà Lê Thị A khởi kiện yêu cầu ông D, bà E trả số tiền là 250.000.000 đồng và tiền lãi suất. Căn cứ theo qui định tại khoản 03 Điều 26, điểm a khoản 01 Điều 35 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015 nên yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A về việc *"Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản"* thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết.

Tại phiên tòa hôm nay ông Mai Hoàng D và bà Phạm Thị Thanh E vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 02 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

Bà Lê Thị A cho ông Mai Hoàng D và bà Phạm Thị Thanh E vay số tiền là 250.000.000 đồng. Chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn là Hợp đồng vay mượn tiền ngày 10/12/2020 (bản chính); Giấy mượn tiền ngày ngày 10/12/2020 (bản chính), kết luận giám định chữ ký (bản chính).

[3] Đối với bị đơn ông D, bà E không đến Toà, từ chối nhận các văn bản tố tụng của Toà án và không cung cấp chứng cứ gì.

[4] Qua xem xét chứng cứ nguyên đơn cung cấp, Hội đồng xét xử nhận thấy

như sau: Việc bà A cho ông D, bà E vay tiền thì sự việc này có thật đã được nguyên đơn bà A chứng minh qua Hợp đồng vay mượn tiền ngày 10/12/2020; Giấy mượn tiền ngày 10/12/2020 và kết luận giám định số 826/KL-KTHS ngày 04/8/2023 của Phòng kỹ thuận hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận.

[5] Tại Hợp đồng vay tiền và giấy mượn tiền ngày 10/12/2020 thể hiện như sau *"...người cho mượn tiền Lê Thị A, người vay tiền Mai Hoàng D, Phạm Thị Thanh E, số tiền vay 250.000.000 đồng, lý do vay tiền đóng thuế đất, thời hạn vay 02 tháng, lãi suất 1,5%/tháng..."*.

Ngày 08/7/2023, ông Nguyễn Ngọc C là đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn làm đơn yêu cầu giám định chữ ký, chữ viết của ông D, bà E.

Tại kết luận giám định số 826/KL-KTHS ngày 04/8/2023 của Phòng kỹ thuận hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận như sau: *"...Chữ ký, chữ viết mang tên Mai Hoàng D, Phạm Thị Thanh E trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đứng tên Mai Hoàng D, Phạm Thị Thanh E trên tài liệu mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết"*.

[6] Theo Điều 92, Điều 93 Bộ luật dân sự năm 2015 thì hợp đồng vay tiền, giấy biên nhận tiền và kết luận giám định của Phòng kỹ thuận hình sự - Công an tỉnh Bình Thuận được xem là nguồn chứng cứ chứng minh yêu cầu của nguyên đơn.

[7] Ông Mai Hoàng D, bà Phạm Thị Thanh E đã vi phạm hợp đồng không trả tiền cho bà Lê Thị A, do đó bà A khởi kiện buộc ông D, bà E phải trả nợ cho bà A số tiền gốc là 250.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[8] Về yêu cầu tính lãi suất: tại phiên toà ông C đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn yêu cầu lãi suất là 1,5%/tháng. Xét thấy yêu cầu của ông C về lãi suất không vượt quá theo quy định Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, do đó chấp nhận yêu cầu này và được tính như sau: 250.000.000 đồng x 1,5% x 31 tháng 17 ngày = 118.375.000 đồng. Do đó, buộc ông D, bà E phải trả tổng số tiền gốc và tiền lãi là 368.375.000 đồng cho bà A là đúng theo quy định pháp luật.

[9] Ngày 04/5/2023 ông D, bà E đã ly hôn theo quyết định số 78/2023/QĐST – HNGĐ của Toà án nhân dân thành phố Phan Thiết nên buộc ông D, bà E cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ và được chia phần trả nợ cho bà A là có cơ sở.

[10] Tại phiên toà ông Nguyễn Ngọc C xác định số tiền bà A cho ông D, bà E vay là tiền cá nhân của bà A không phải là tiền chung vợ chồng, do đó không đưa ông C vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định pháp luật.

[11] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[12] Về chi phí tố tụng: bà A không yêu cầu ông D, bà E phải hoàn trả tiền chi phí giám định chữ ký, chữ viết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1/Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; Điều 35; Điều 39, Điều 147; Điều 159, Điều 227, Điều 228 và Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Điều 27, khoản 01 Điều 30, khoản 2 Điều 37 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Luật thi hành án dân sự.

2/Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị A.

Buộc ông Mai Hoàng D và bà Phạm Thị Thanh E cùng liên đới chịu trách nhiệm trả nợ cho bà Lê Thị A số tiền là 368.375.000đ (Ba trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) và được chia phần như sau: ông Mai Hoàng D có trách nhiệm trả nợ cho Lê Thị A số tiền là 184.187.500đ (Một trăm tám mươi bốn triệu, một trăm tám mươi bảy ngàn, năm trăm đồng).

Bà Phạm Thị Thanh E có trách nhiệm trả nợ cho Lê Thị A số tiền là 184.187.500đ (Một trăm tám mươi bốn triệu, một trăm tám mươi bảy ngàn, năm trăm đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/Về chi phí giám định: bà A tự chịu.

4/Về Án phí: ông Mai Hoàng D phải nộp 9.209.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, bà Phạm Thị Thanh E phải nộp 9.209.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại số tiền 8.781.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp trước đó theo biên lai thu tiền số 0015839 ngày 25/5/2023 của Chi cục thi hành án dân sự Tp. Phan Thiết cho bà Lê Thị A.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện theo uỷ quyền nguyên đơn. Vắng mặt bị đơn ông D, bà E. Quyền kháng cáo bản án này của nguyên đơn có mặt tại phiên toà trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/9/2023). Quyền kháng cáo

bản án này của bị đơn vắng mặt tại phiên toà trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại địa phương.

Nơi nhận:
- *Tòa án tỉnh*;
- *VKS Tp. Phan Thiết;*
-*Chi cục THADS Tp. Phan Thiết;*
- *Đương sự;*
- *Lưu*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Thị Thu Hà